

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-ST

Ngày 17-7-2017

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đăng Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Văn Đá.

2. Bà Lê Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST-DS ngày 05/5/2017, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-DS ngày 29/6/2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Quỹ tín dụng A.

Địa chỉ: Khu phố Z, thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Minh T; chức vụ: Phó Giám đốc Quỹ tín dụng A; Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 19/11/2016).

*** Bị đơn:** Bà B, sinh năm 1976.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông C, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu phố S, thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Quỹ tín dụng A, do ông Đinh Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quỹ tín dụng A và bà B ký hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014, với số tiền vay 70.000.000 đồng. Mục đích vay đầu tư điện thanh long 400 trụ; Thời hạn vay là 12 tháng; Lãi suất cho vay 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn 1,575%/tháng. Thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giải ngân cho bà B vay theo hợp đồng tín dụng trên, với số tiền 70.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng ngày 19/12/2014.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông C ủy quyền cho bà B thế chấp tại Quỹ tín dụng tài sản sau: Thửa đất số 21/150m² tại thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 916672 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/10/2002. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 901/HĐTC ngày 18/12/2014 được công chứng tại Văn phòng công chứng H và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H cùng ngày 18/12/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B và ông C đã trả cho Quỹ tín dụng tiền lãi từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/9/2015 là 6.860.000 đồng. Từ ngày 26/9/2015 đến nay bà B và ông C không trả nợ cho Quỹ tín dụng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 17/7/2017, bà B còn nợ Quỹ tín dụng A số tiền 93.128.000 đồng; trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.327.500 đồng, lãi quá hạn 20.800.500 đồng. Như vậy, bà B đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014.

Quỹ tín dụng A yêu cầu bà B phải trả cho Quỹ tín dụng A số tiền là 93.128.000 đồng; trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.327.500 đồng, lãi quá hạn 20.800.500 đồng, cùng lãi phát sinh từ ngày 18/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014 cho đến khi hai bên thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà B không trả được nợ cho Quỹ tín dụng A thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bà B và ông C trình bày: Ông bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cũng như số nợ và vi phạm hợp đồng đúng như trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Theo bà B, thì khoản vay này bà vay giùm cho ông C để đầu tư thanh long. Do đầu tư thanh long thua lỗ nên không trả nợ đúng như đã thỏa thuận theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã cố gắng trả lãi cho Quỹ tín dụng từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/9/2015 là 6.860.000 đồng. Bà đồng ý trả nợ gốc và lãi trong hạn cho nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn xem xét cho miễn lãi quá hạn.

Theo ông C, thì ông có nhờ bà B đứng tên vay giùm khoản tiền trên, do lúc đó ông không có hộ khẩu tại thị trấn J nên không đủ điều kiện để vay tại Quỹ tín dụng A. Do đầu tư vào thanh long không có hiệu quả nên không trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông đã cố gắng trả lãi cho Quỹ tín dụng từ ngày 19/12/2014 đến ngày 25/9/2015 là 6.860.000 đồng. Ông đồng ý trả nợ gốc

và lãi trong hạn cho nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn xem xét cho miễn lãi quá hạn.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014, dư nợ tính đến hết ngày 17/7/2017 là 93.128.000 đồng; trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.327.500 đồng, lãi quá hạn 20.800.500 đồng, cùng lãi phát sinh từ ngày 18/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014 cho đến khi hai bên thanh toán xong nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng A với bà B là hợp lệ. Hợp đồng này có hình thức và nội dung thỏa thuận không trái với quy định pháp luật. Căn cứ vào nội dung hợp đồng tín dụng đã được các bên thỏa thuận ký kết về thời hạn cho vay và thời hạn thanh toán nợ. Xét thấy, bà B không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.327.500 đồng, lãi quá hạn là 20.800.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 93.128.000 đồng, cùng lãi phát sinh từ ngày 18/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014 cho đến khi hai bên thanh toán xong nợ, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị xem xét miễn lãi quá hạn của bà B và ông C không được nguyên đơn chấp nhận và không phù hợp với quy định pháp luật nên không có cơ sở để Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm gồm: Thửa đất số 21/150m² tại thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 916672 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/10/2002. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 901/HĐTC ngày 18/12/2014 được công chứng tại Văn phòng công chứng H và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H cùng ngày 18/12/2014.

Xét thấy, theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thế chấp thì Quỹ tín dụng có quyền áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm nếu đến hạn trả nợ

mà bên có nghĩa vụ không thanh toán xong nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không trả được nợ cho Quỹ tín dụng thì phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quỹ Tín dụng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Quỹ Tín dụng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông C không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 299 và Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng A.

- Buộc bà B phải thanh toán cho Quỹ tín dụng A các khoản nợ tính đến hết ngày 17/7/2017, bao gồm: Nợ gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, lãi trong hạn là 2.327.500 (hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, lãi quá hạn là 20.800.500 (hai mươi triệu tám trăm nghìn năm trăm) đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 93.128.000 (chín mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn) đồng, cùng lãi phát sinh từ ngày 18/7/2017 theo hợp đồng tín dụng số 2014001609/HĐTD ngày 19/12/2014 cho đến khi hai bên thanh toán xong nợ.

- Trường hợp bà B không trả được nợ cho Quỹ tín dụng A thì phát mãi tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 21/150m² tại thị trấn J, huyện H, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 916672 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/10/2002. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 901/HĐTC ngày 18/12/2014 được công chứng tại Văn phòng công chứng H và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H cùng ngày 18/12/2014.

2. Về án phí:

Quỹ tín dụng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.240.000 (hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011896 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bà B phải chịu 4.656.400 (bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/7/2017).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện H;
-Chi cục THADS huyện H;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Đặng Tân

